

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG
HẠ TẦNG NƯỚC SẠCH HÀ NỘI
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2018
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Ban điều hành Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này và Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc

Các thành viên của Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc điều hành Công ty tại ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Trần Đức Trường	Chủ tịch hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 27/12/2018)
Ông Đặng Ngọc Hải	Thành viên
Ông Nguyễn Phi Hoài	Thành viên

Ban Giám đốc và Kế toán trưởng

Ông Nguyễn Phi Hoài	Giám đốc
Bà Trần Thị Hồng Thủy	Kế toán trưởng

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập các báo cáo tài chính, Ban điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.



Ban điều hành xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Thay mặt Ban điều hành



Trần Đức Trường



Số: 18../BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng hạ tầng Nước Sạch Hà Nội**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng hạ tầng Nước Sạch Hà Nội, được lập ngày 14/03/2019, từ trang 06 đến trang 21, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban điều hành

Ban điều hành Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban điều hành cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Công ty chưa thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với công nợ phải thu khách hàng với giá trị ước tính 542.490.500 đồng theo quy định tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009 của Bộ Tài

Tel : 084 3736 7659
: 084 3736 8309
Fax : 084 3736 7622
Email : vaa@vnn.vn
Add : 16A Ngõ 181 Trường Chinh, Thanh Xuân, Hà Nội

chính. Nếu hạch toán chi phí dự phòng phải thu khó đòi này vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm sẽ làm lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp giảm đi giá trị tương ứng.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, trên các khía cạnh trọng yếu, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty Cổ phần đầu tư xây dựng hạ tầng Nước sạch Hà Nội tại ngày 31/12/2018, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



PHẠM THỊ ĐIỀN

Phó Giám đốc

GCNĐKHNKT số: 2470-2018-150-1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KẾ TOÁN,
KIỂM TOÁN VIỆT NAM (VNAA)**

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2019

HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH

Kiểm toán viên

Giấy CNĐKHNKT số 0905-2018-150-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		38.740.699.800	41.784.474.749
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		23.374.632.421	17.057.066.510
1. Tiền	111	V.01	21.474.632.421	15.157.066.510
2. Các khoản tương đương tiền	112		1.900.000.000	1.900.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		12.218.742.906	23.416.469.451
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.02	9.165.068.273	20.896.893.440
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		825.218.120	39.791.448
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.03	2.228.456.513	2.479.784.563
IV. Hàng tồn kho	140	V.04	3.147.324.473	1.310.938.788
1. Hàng tồn kho	141		3.147.324.473	1.310.938.788
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		433.542.386	824.610.683
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		191.709.450	368.364.634
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	191.709.450	368.364.634
- Nguyên giá	222		1.835.906.859	1.835.906.859
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.644.197.409)	(1.467.542.225)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		241.832.936	456.246.049
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.06	241.832.936	456.246.049
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		39.174.242.186	42.609.085.432

(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 19 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính này)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	31/12/2018	01/01/2018
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		28.577.227.733	31.049.151.555
I. Nợ ngắn hạn	310		28.577.227.733	31.049.151.555
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.07	18.112.671.191	19.412.166.281
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.08	643.989.787	707.634.787
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.09	758.920.209	3.493.593.864
4. Phải trả người lao động	314		1.743.957.671	1.511.839.198
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		7.244.946	-
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.10	4.431.013.322	3.890.716.040
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	2.861.910.551	2.033.201.385
8. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		17.520.056	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		10.597.014.453	11.559.933.877
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	10.597.014.453	11.559.933.877
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		10.000.000.000	10.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		597.014.453	1.559.933.877
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.680.490	85.754.404
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		576.333.963	1.474.179.473
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		39.174.242.186	42.609.085.432

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị





Trịnh Kim Thoa

Trần Thị Hồng Thủy

Trần Đức Trường

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	38.184.356.705	95.302.855.104
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		38.184.356.705	95.302.855.104
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	35.396.882.950	89.241.794.764
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.787.473.755	6.061.060.340
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	109.768.427	93.265.148
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	104.104.930	276.019.590
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		104.104.930	276.019.590
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	2.034.035.945	2.095.915.735
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		759.101.307	3.782.390.163
11. Thu nhập khác	31	VI.05	821.008	-
12. Chi phí khác	32	VI.06	31.603.889	1.551.732.657
13. Lợi nhuận khác	40		(30.782.881)	(1.551.732.657)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		728.318.426	2.230.657.506
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	151.984.463	756.478.033
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		576.333.963	1.474.179.473
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	576	1.474
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		-	-

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Chủ tịch Hội đồng quản trị






Trịnh Kim Thoa

Trần Thị Hồng Thủy

Trần Đức Trường

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Theo phương pháp trực tiếp

Năm 2018

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2018	Năm 2017
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		53.772.337.654	89.713.747.411
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(38.121.698.484)	(63.926.792.144)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.007.573.612)	(7.720.632.243)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		(96.859.984)	(281.567.057)
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(583.452.180)	(249.114.454)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		3.005.231.788	5.530.218.749
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.588.896.864)	(10.433.879.780)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.379.088.318	12.631.980.482
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		109.768.427	93.265.148
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		109.768.427	93.265.148
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2.861.910.551	6.740.725.093
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.033.201.385)	(6.796.528.162)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		828.709.166	(55.803.069)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.317.565.911	12.669.442.561
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.057.066.510	4.387.623.949
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		23.374.632.421	17.057.066.510

Người lập biểu



Trịnh Kim Thoa

Kế toán trưởng



Trần Thị Hồng Thủy

Hà Nội, ngày 14 tháng 03 năm 2019

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Trần Đức Trường